

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST

Ngày: 09 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Chung.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Văn Kiều.

Ông Lê Văn Chinh.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà:
Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2019/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Hoàng Văn G - Sinh năm 1981, tại xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm y, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; giới tính: Nam; con ông: Hoàng Văn H, sinh năm 1932, đã chết năm 1994 và bà Đoàn Thị C, sinh năm 1934, hiện ở Xóm y, xã T, huyện H, Nam Định; vợ: Đoàn Thị V, sinh năm 1981, hiện đang lao động tại địa phương, con: Có 03 con. Con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Hoàng Văn G cai nghiện, chữa trị tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Hà Nội, trong thời gian 06 tháng, từ 27/11/2017 đến ngày 27/5/2018 theo Quyết định số 303/QĐ-CSCN ngày 27/11/2017 của Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Hà Nội. Bị cáo Hoàng Văn G bị bắt tạm giam từ ngày 11/01/2019. Hiện đang tạm giam Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định cho đến nay; có mặt.

* *Người bị hại:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1976;
Nơi cư trú: Xóm y, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

* *Người liên quan:*

1. Anh Vũ Văn L - Sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Tổ dân phố x, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Bà Đoàn Thị C - Sinh năm 1934;

Nơi cư trú: Xóm y, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3. Anh Đoàn Văn Q – Sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Xóm y, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

4. Chị Trần Thị Hương Tr – Sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Tổ dân phố x, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng truy tố bị cáo về hành vi phạm tội: Khoảng 10 giờ, ngày 03/11/2018, do không có tiền để chi tiêu cá nhân, Hoàng Văn G nảy sinh ý định chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Elegant, biển số 18M1-xxxx, màu đỏ đen, đã qua sử dụng của gia đình chị Trần Thị H, ở cùng xóm với G. Bản thân G là người nghiện ma túy, G biết nếu G sang mượn xe mô tô, chị H sẽ không đồng ý nên G nói với bà Đoàn Thị C là mẹ đẻ G, nhờ bà C sang mượn xe chị H để G chở bà đi tiêm, vì lúc này bà C đang bị đau chân. Bà C đồng ý và đi cùng với G sang nhà chị H mượn xe. Khi sang đến nhà chị Trần Thị H, bà C hỏi chị H để mượn xe cho G, chị H đồng ý và giao xe mô tô nhãn hiệu Elegant, biển số 18M1-xxxx, màu đỏ đen, đã qua sử dụng (là xe của anh Đoàn Văn Q chồng chị H cho chị H làm phương tiện đi lại) cùng chìa khóa xe cho G, trong cốp xe mô tô có 01 đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Elegant, biển số 18M1-xxxx và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Đoàn Văn Q; 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Trần Thị H. Sau khi chị H giao xe mô tô cho G, G nói với bà C: “Mẹ ngồi đây chờ, con đi lấy tiền rồi quay về đón mẹ đi tiêm”. Hoàng Văn G điều khiển xe mô tô đi đến thị trấn Q chơi. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, G điều khiển 01 xe mô tô đến nhà bà Vũ Thị K, sinh năm 1958, ở Xóm , xã N, huyện N (bà K mẹ vợ anh L) gặp anh Vũ Văn L, hộ khẩu thường trú ở Khu x, thị trấn Q, huyện N, Nam Định cầm cố cho anh L lấy 2.500.000 đồng và đi khỏi địa phương, số tiền chi tiêu cá nhân hết. Ngày 03/11/2018,

chị Trần Thị H đã có đơn trình báo Công an xã T và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Công an xã T đã báo cáo và chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng để điều tra, xử lý. Qua điều tra xác minh, ngày 04/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng thu giữ của chị Trần Thị Hương Tr, ở Khu x, thị trấn Q, huyện N (chị Tr là vợ anh L) 01 xe mô tô nhãn hiệu Elegant, biển số 18M1-xxxx, màu đỏ đen, đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Elegant, biển số 18M1-xxxx, màu đỏ đen và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Đoàn Văn Q; 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Trần Thị H, là tài sản G chiếm đoạt của gia đình chị Trần Thị H cầm cho anh Vũ Văn L tối ngày 03/11/2018 tại Xóm x, xã H, huyện N

Tại Bản Kết luận số 45/HĐ-ĐGTS ngày 08/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nghĩa Hưng, kết luận: Giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Elegant, biển số 18M1-xxxx, màu đỏ đen, đã qua sử dụng có giá là 3.100.000 đồng.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 13/3/2019 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố bị cáo Hoàng Văn G về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay đại diện VKSND huyện Nghĩa Hưng giữ nguyên quan điểm truy tố theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i và s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 xử phạt Hoàng văn G từ 09 tháng đến 12 tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo Hoàng Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về định tội: Bị cáo Hoàng Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Elegant, biển số 18M1-0309, màu đỏ đen, đã qua sử dụng, chiếc xe có giá trị 3.100.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, đó là quyền được pháp luật quy định và bảo vệ trong bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến đời sống của khu dân cư. Do đó đủ căn cứ xác định bị cáo đã phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng để xét xử bị cáo với tội danh và điều luật như đã viện dẫn là có căn cứ.

Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn kỷ cương tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, Hoàng Văn G đã cai nghiện, chữa trị tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Hà Nội, trong thời gian 06 tháng, từ 27/11/2017 đến ngày 27/5/2018 theo Quyết định số 303/QĐ-CSCN ngày 27/11/2017 của Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Hà Nội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Văn G không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Văn G phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong giai đoạn điều tra, truy tố bị can G

đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị can Hoàng Văn G được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt. Tuy nhiên, thấy cần phải cách ly để tập trung giáo dục, cải tạo bị cáo một thời gian nhất định mới có thể cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 BLHS quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”, do đó bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy bị cáo làm nông nghiệp, không có thu nhập ổn định, đang ở cùng với gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Elegant, biển số 18M1-xxxx, màu đỏ đen, đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Elegant, biển số 18M1-xxxx và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Đoàn Văn Q; 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Trần Thị H, Hoàng Văn G đã chiếm đoạt của gia đình chị Trần Thị H ngày 03/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng đã trả lại cho chị Trần Thị H là chủ sở hữu, chị H không yêu cầu bồi thường thêm vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Đoàn Thị C (mẹ đẻ của Hoàng Văn G) đã trả cho anh Vũ Văn L số tiền 2.500.000 đồng, là tiền G cầm 01 xe mô tô lừa đảo chiếm đoạt được cho anh L, anh L không yêu cầu bồi thường thêm vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[7] Đối với Vũ Văn L là người nhận cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu Elegant, biển số 18M1-xxxx, màu đỏ đen, đã qua sử dụng của Hoàng Văn G nhưng không biết đó là xe do G lừa đảo chiếm đoạt mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng không xử lý hình sự đối với Vũ Văn L. Ngày 03/11/2018, Vũ Văn L cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố, vi phạm quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Công an huyện Nghĩa Hưng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Vũ Văn L là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn G phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 135, Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn G phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt Hoàng Văn G 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11 tháng 01 năm 2019.

3. Buộc bị cáo Hoàng Văn G phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan. Người có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện;
- Trại giam + CA;
- Cơ quan Thi hành án;
- Bị cáo;
- UBND xã T;
- Án văn + lưu hồ sơ
- Thi hành án Phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phạm Văn Chung